

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2025/DS-PT  
Ngày 23- 7-2025  
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hà

*Các Thẩm phán:*

Ông Huỳnh Văn Út

Ông Trịnh Xuân Miên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thúy Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2025/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:164/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1960 (Có mặt). Căn cước công dân số 096060007909, cấp ngày 14/8/2021.

Nơi cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau).

**- Bị đơn:**

1. Ông Trần Hoàng N, sinh năm 1962. Căn cước công dân số 096062004645, cấp ngày 09/8/2021.

2. Bà Lê Diệu H, sinh năm 1968. Căn cước công dân số 096168007375, cấp ngày 09/8/2021.

Nơi cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Hoàng N, bà Lê Diệu H: Bà Trần Kim H1, sinh năm 1988; Căn cước công dân số 096188017196, cấp ngày 28/6/2021 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Kim H1, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau).

2. Bà Võ Mai P, sinh năm 1964 (đã chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P:*

1. Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau).

2. Anh Trần Trọng Đ, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường A, Khu dân cư P, Phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ.

3. Anh Trần Trọng T, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Hoàng N, bà Lê Diệu H là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Trần Hoàng L trình bày:*

Ngày 09/4/2020 âm lịch, ông có cho ông Trần Hoàng N, bà Lê Diệu H vay số tiền 900.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận và cho mượn 10 lượng vàng 24K, không lãi suất (Có 02 biên nhận kèm theo). Quá trình vay tiền thì bị đơn cũng có trả lãi cho ông nhưng bao nhiêu thì ông không nhớ rõ. Đến nay thì ông N và bà H vẫn chưa trả cho ông khoản tiền gốc vay 900.000.000 đồng và 10 lượng vàng 24K, nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Hoàng N và bà Lê Diệu H trả cho ông số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và 10 lượng vàng 24K.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Trần Hoàng N trình bày:*

Ông xác định ông là người ghi 02 biên nhận nợ và vợ chồng ông ký nhận nợ như biên nhận ông L cung cấp là đúng. Theo hiểu biết thì quá trình vay nhiều lần và cũng có trả, sau chốt lại xác định có thiếu nợ ông Trần Hoàng L tổng số tiền còn lại là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và 10 (mười) lượng vàng 24k. Tuy nhiên, quá trình sử dụng tiền hay trả khoản nào, lời lãi ra sao thì do vợ ông là bà Lê Diệu H và con ông là Trần Kim H1 thực hiện và theo dõi, ông không nắm rõ. (Phần 1.000.000.000 đồng ông L cũng có khởi kiện vụ án khác ông cũng có thừa nhận nợ nên trình bày chung trong vụ án này).

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Lê Diệu H trình bày:*

Bà thừa nhận vợ chồng bà là người ký nhận vay số tiền 900.000.000 đồng và

10 lượng vàng 24K như biên nhận ông L cung cấp là đúng, tuy nhiên bà xác định con của bà là Trần Kim H1 đã chuyển trả nhiều lần cho ông Trần Hoàng L và đã trả xong hết khoản nợ trên nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện.

Anh Trần Trọng Đ và anh Trần Trọng T xin từ chối tham gia tố tụng hoặc vắng mặt quá trình giải quyết vụ án và xác định giao toàn quyền cho cha là ông Trần Hoàng L, các anh không có yêu cầu gì khác.

*Tại phiên toà sơ thẩm:*

Nguyên đơn ông Trần Hoàng L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Hoàng N và bà Lê Diệu H trả cho ông số tiền 900.000.000 đồng và 10 lượng vàng 24K theo 02 biên nhận. Đồng thời, ngoài khoản vay này thì suốt thời gian qua giữa hai bên gia đình (do là người thân) nên có chuyển cho mượn qua lại với nhau, Kim H1 sao kê là chuyển trả những khoản mượn vay riêng mà ông đã cung cấp chứng từ giao dịch, không có trả bất kỳ khoản nào liên quan đến khoản vay mà ông đang khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Hoàng N thừa nhận có vay 900.000.000 đồng và 10 lượng vàng 24K của ông L là đúng, tuy nhiên quá trình trả nợ thì do vợ con ông nắm theo dõi, ông không biết là đã trả hay chưa, ông không có ý kiến gì, Toà án cứ giải quyết theo quy định.

Bà Lê Diệu H thừa nhận có vay của ông L 900.000.000 đồng và 10 lượng vàng 24K theo 02 Biên nhận là đúng và thay đổi lời khai so với quá trình giải quyết là đã trả trực tiếp tiền mặt 900.000.000 đồng và 90.000.000 đồng tiền lãi sau khi vay khoảng 3 tháng cho bà Võ Mai P (vợ của ông L) nhưng không có nhận lại biên nhận và con của bà là Trần Kim H1 đã chuyển khoản trả toàn bộ nợ vàng theo sao kê cung cấp qua tài khoản bà Võ Mai P (vợ của ông L), do tin tưởng nên khi chót nợ lần cuối không có xin lại Biên nhận, nay vợ chồng bà không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Kim H1 cho rằng đã cung cấp được bản sao kê của ngân hàng thể hiện bà đã chuyển khoản cho bà Võ Mai P - vợ ông L trả tiền cho cha mẹ bà là bà H, ông N, khoản tiền vay 900.000.000 đồng và 10 lượng vàng 24K, sau mới chót lại nợ 1.300.000.000 đồng, trả được thêm 300.000.000 đồng, còn 1.000.000.000 đồng gia đình bà đã thừa nhận đồng ý trả ở vụ án khác. Bà chuyển tiền cho bà P là chuyển thay cho bà H, ông N.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2025/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoàng L đối với bị đơn ông Trần Hoàng N và bà Lê Diệu H.

Buộc ông Trần Hoàng N và bà Lê Diệu H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hoàng L số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và 10 (Mười) lượng vàng 24K.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, ông Trần Hoàng N, bà Lê Diệu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hoàng N, bà Lê Diệu H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2025/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông Trần Hoàng N, bà Lê Diệu H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cung cấp tài liệu sao kê từ Ngân hàng để chứng minh có việc chuyển khoản thanh toán số nợ cho ông Trần Hoàng L.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn N1, bà Lê Diệu H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định bị đơn đã thanh toán 900.000.000 đồng và 90.000.000 đồng tiền lãi bằng cách giao tiền mặt, chỉ còn nợ lại 10 lượng vàng 24k và đã thanh toán xong nên mới có chốt khoản nợ bằng biên nhận nhận nợ 1.300.000.000 đồng. Nguyên đơn không thống nhất lời trình bày của bị đơn. Nguyên đơn khẳng định hai giấy nhận nợ là hai khoản nợ riêng. Bị đơn đề nghị cho thời gian 05 ngày để bị đơn giải trình các khoản vay mượn và thanh toán do hiện tại bị đơn không thực hiện ngay được. Hội đồng thống nhất chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[3] Ngày 02 tháng 7 năm 2025 bị đơn nộp giải trình, kèm sao kê các chứng từ ngân hàng chứng minh cho việc thanh toán số tiền 545.000.000 đồng tương đương với 10 cây vàng 24k. Tại phiên tòa phía bị đơn trình bày bị đơn không nhớ và cũng không liệt kê được tổng cộng các khoản tiền mượn và tổng cộng số tiền đã thanh toán cho nguyên đơn qua tài khoản, trong bảng giải trình và tại phiên tòa chỉ liệt kê được các lần chuyển khoản cho rằng để thanh toán nợ vàng. Theo chứng từ Ngân hàng thể hiện bị đơn chuyển khoản từ ngày 26/5/2021 đến ngày 20/7/2023 tổng cộng là 42 lượt. Bị đơn tính các lần chuyển khoản từ ngày 26/5/2021 đến ngày 24/02/2022 là 14 lần tổng cộng số tiền chuyển khoản là 545.000.000 đồng tương đương với 10 lượng vàng 24K không ghi nội dung chuyển khoản. Tuy nhiên, theo lần lượt thứ tự chuyển khoản thể hiện từ ngày 26/5/2021 đến ngày 24/02/2022 là 17 lần tổng cộng số tiền chuyển khoản là 547.000.000 đồng, các lần chuyển khoản này bị đơn đã không liệt kê lần chuyển khoản ngày 22/10/2021 số tiền 600.000 đồng; ngày 26/10/2021 số tiền 200.000 đồng; ngày 03/11/2021 số tiền 1.200.000 đồng, bị đơn cho rằng các khoản chuyển khoản này là tiền mua trái cây không liên quan đến việc vay nợ. Bị đơn xác định giá vàng vào thời điểm thanh toán là 54.000.000 đồng một lượng (Tờ trình ngày 02/7/2025). Theo công văn của hội K

xác giá vàng ngày 24/2/2022 là 5.460.000 đồng/01 chỉ một lượng là 54.600.000 đồng/lượng. Bị đơn cho rằng đã chuyển khoản thanh toán số tiền 545.000.000 đồng/ 10 lượng nhưng lại xác định một lượng có giá 54.000.000 đồng, trong khi đó tổng số tiền chuyển khoản là 547.000.000 đồng, không phù hợp với lời trình bày của bị đơn.

[4]Tại phiên toà ngày 03/7/2025, bị đơn xác định khi bị đơn trả nợ vàng xong thì bị đơn mới bắt đầu giao dịch vay tiếp, có vay chuyển khoản, có vay tiền mặt nên bị đơn không tính được số tiền đến ngày chốt nợ số tiền 1.300.000.000 đồng cụ thể là bao nhiêu. Tuy nhiên, theo chứng từ chuyển khoản của nguyên đơn thể hiện nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn từ ngày 05/7/2021 đến ngày 07/12/2021 là 05 lần chuyển khoản với số tiền 900.000.000 đồng là mâu thuẫn với lời trình bày của bị đơn là khi chốt nợ mới vay tiếp từ ngày 24/02/2022.

[5]Sau khi ngừng phiên toà thu thập giá vàng, bị đơn có tờ giải trình ngày 04/7/2025 với nội dung tổng số tiền con của bị đơn là Trần Kim H1 và Vu Quốc N2 chuyển khoản cho nguyên đơn là 3.364.500.000 đồng. Bà Võ Mai P vợ nguyên đơn chuyển khoản cho con của bị đơn số tiền là 2.645.000.000 đồng. Đối trừ chênh lệch số tiền 719.500.000 đồng, trừ tiền vàng số tiền 545.000.000 đồng còn lại số tiền 174.500.000 đồng, cộng với số tiền gia đình nợ 1.000.000.000 đồng, tổng cộng lại nợ số tiền 1.174.500.000 đồng tương ứng với số tiền lãi từ năm 2021 đến 2023.

[6]Tất cả các lời trình bày trên của bị đơn mâu thuẫn với nhau, căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bị đơn có chuyển khoản cho nguyên đơn từ ngày 24/2/2022, tuy nhiên ngày bị đơn chốt nợ không trùng khớp với ngày ghi giấy biên nhận nợ còn lại ngày 25/4/2023 số tiền 1.300.000.000 đồng, đến khi giải trình ngày 04/7/2025 cũng không thể hiện được chốt nợ thành số tiền 1.300.000.000 đồng. Nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không chứng minh được nội dung chuyển khoản là chuyển khoản thanh toán nợ vàng, không chứng minh được giấy chốt nợ có thể hiện đã thanh toán bao nhiêu còn bao nhiêu, khi chốt nợ không lấy lại biên nhận nợ cũ, hiện nay nguyên đơn vẫn còn giữ biên nhận mà bị đơn còn nợ.

[7]Đối với số tiền 900.000.000 đồng bị đơn cho rằng đã trả xong bằng tiền mặt nhưng bị đơn không chứng minh được việc thanh toán cho nguyên đơn.

Từ nhận định trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông N1, bà H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông N1 là người cao tuổi, có nộp đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định.

[10]Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hoàng N, bà Lê Diệu H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2025/DS – ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời ( nay là Tòa án nhân dân khu vực 3).

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoàng L đối với bị đơn ông Trần Hoàng N và bà Lê Diệu H.

Buộc ông Trần Hoàng N và bà Lê Diệu H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hoàng L số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và 10 (Mười) lượng vàng 24K.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hoàng N là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định. Buộc bà Lê Diệu H phải nộp án phí có giá ngạch số tiền là 34.110.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm mười nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Hoàng N được miễn nộp. Bà Lê Diệu H phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ chuyển thu số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng bà H đã dự nộp ngày 16/4/2025, biên lai số 0005493 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hải Hà**